

Bản án số: 01/2023/DS-ST

Ngày 15-12-2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng gia công

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quàng Văn Thủy

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lò Đức Toàn

2. Bà Hoàng Thị Ngân

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Huyền Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:
Ông: Trần Hữu Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2023/TLST-DS, ngày 24 tháng 7 năm 2023, về việc tranh chấp hợp đồng gia công; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXX-ST, ngày 15 tháng 11 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Thào A S; Sinh năm 1986;

Địa chỉ: Bản C, xã Háng Đồng, huyện B, tỉnh Sơn La; Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn - anh Thào A S:
Ông Tông Văn Minh - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Tạ Quang T; Sinh năm 1983;

Địa chỉ: Tổ 5, phường D, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 7 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là anh Thào A S trình bày: được sự giới thiệu của người thân về việc anh Tạ Quang T có khả năng làm homstay và anh Tạ Quang T đã thi công được một số công trình ở xã Tà Xùa, huyện B nên ngày 18/5/2022 giữa anh Thào A S và anh Tạ Quang T có thỏa thuận và lập 01 hợp đồng nguyên căn, theo đó anh Tạ Quang T sẽ thi công làm cho anh Thào A S 01 nhà khung sắt (03 tầng) và 04 phòng ở (Bungalow - mỗi căn gồm có diện tích 05 x 06m, khoảng cách mỗi căn là 02 mét, mỗi căn có thiết bị vệ sinh khép kín cùng toàn bộ công việc hoàn thiện xây dựng trờ rèm, giường, chăn, ga,

gói, đệm) tại bản C, xã Háng Đông, huyện B, tỉnh Sơn La. Giá trị hợp đồng là 720.000.000 đồng sẽ giao thành 03 lần, thời hạn bàn giao công trình là ngày 20/7/2022, trường hợp nếu có ngày mưa không thi công được thì thời hạn bàn giao công trình sẽ được trừ lùi. Ngày 19/5/2022, anh Thào A S đã thực hiện giao cho anh Tạ Quang T số tiền 500.000.000 đồng có lập biên bản giao nhận tiền. Sau khi nhận tiền T đã mua một ít vật liệu và đã lên khung, sàn của căn Bungalow, còn nhà sắt 03 tầng thì chưa bắt đầu làm gì. Khoảng được gần 1 tháng sau khi nhận tiền, anh S nhận thấy T thi công chậm, đã nhiều lần thúc giục anh T để thực hiện bàn giao đúng hạn. Ngày 16/6/2022, giữa anh Thào A S và anh Tạ Quang T có lập thêm 01 hợp đồng xác nhận công việc, theo đó, T cam kết thi công và bàn giao công trình đúng hạn. Đến ngày 07/7/2022 anh S tiếp tục thúc giục T thực hiện thi công công trình nhưng T hứa đến ngày 20/7/2022 sẽ thi công đầy đủ và bàn giao 04 căn Bungalow cho anh Thào A S còn lại 01 căn nhà 03 tầng khung sắt thì T nói không thể làm kịp nên sau khi hoàn thành công việc sẽ trả cho anh S 100.000.000 đồng và 04 căn Bungalow kia chỉ gói gọn trong số tiền 400.000.000 đồng mà anh S đã đưa cho anh T.

Sau khi làm “cam kết hoàn thành công trình”, ngày 07/7/2022 anh Thào A S không thấy anh Tạ Quang T xuất hiện và thi công công trình cho anh S nữa, sau đó, anh S mới biết anh Tạ Quang T đi khỏi huyện B và không quay lại để tiếp tục thực hiện hợp đồng. Anh Thào A S đã đến tận nhà anh Tạ Quang T để tìm anh T nhưng vợ anh T nói anh T đi đâu không về nhà và gia đình không ai biết anh T đi đâu.

Anh Thào A S đã làm đơn tố giác anh Tạ Quang T đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B về hành vi “lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” nhưng quá trình giải quyết tin báo tố giác, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã kết luận Tạ Quang T không phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã quyết định trưng cầu định giá tài sản và Hội đồng định giá tài sản huyện B đã kết luận giá trị 03 căn nhà Bungalow đang thi công dở dang và số vật liệu Tạ Quang T mua còn lại có tổng trị giá 162.975.000 đồng. Ngày 10/5/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự, và xác định đây là vụ án tranh chấp dân sự nên hướng dẫn anh Thào A S khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện B theo quy định.

Nguyên đơn - anh Thào A S yêu cầu anh Tạ Quang T phải trả cho anh S số tiền 500.000.000 đồng trừ đi 162.975.000 đồng còn 337.025.000 đồng (Trong đó, 500.000.000 đồng là tiền anh Thào A S đã đưa cho anh Tạ Quang T để thực hiện hợp đồng, 162.975.000 đồng là tiền giá trị công trình anh Tạ Quang T đã thực hiện được hợp đồng) và tiền lãi phát sinh đối với số tiền 337.025.000 đồng từ ngày 07/7/2022 đến ngày mở phiên tòa sơ thẩm. Đồng thời yêu cầu bồi thường thiệt hại phát sinh số tiền mà anh Thào A S đã bỏ ra đi tìm anh Tạ Quang T là 30.000.000 đồng.

Bị đơn - anh Tạ Quang T đã được thực hiện đầy đủ các thủ tục tổng đạt hợp lệ, được niêm yết thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp,

tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và được thông báo các Thông báo, triệu tập và quyết định trên trên 03 số báo Công lý liên tiếp gồm số 83 (2145) ngày 18/10/2023; số 84 (2145) ngày 20/10/2023; số 85 (2146) ngày 25/10/2023 và thông báo, triệu tập trên Đài truyền hình Việt Nam ngày 21,22,23/10/2023, hơn nữa, ngày 31/7/2023 Tòa án nhân dân huyện B đã tiến hành gửi Thông báo thụ lý cho anh Tạ Quang T qua Zalo cá nhân của anh T, anh T đã nhận, đã đọc được thông tin và có phản hồi là “ để tôi sắp xếp rồi báo lại tôi sẽ nhờ luật sư bên tôi làm việc ” và anh Tạ Quang T không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ do Tòa án tổ chức, không có văn bản thể hiện ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của anh Thào A S. Tại phiên tòa ngày hôm nay, anh Tạ Quang T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, niêm yết, thông báo theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt.

Tại biên bản xác minh ngày 30/8/2023 tại tổ 5 phường D, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai và tại Công an phường D, thành phố Lào Cai thì anh Tạ Quang T có hộ khẩu thường trú đăng ký tại tổ 5, phường D, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, tuy nhiên, đến nay anh Tạ Quang T không có mặt tại địa phương, gia đình và chính quyền địa phương không ai biết anh T đi đâu, làm gì. Tại biên bản xác minh ngày 25/8/2023 tại xã Háng Đồng, huyện B, tỉnh Sơn La thì chính quyền xã và Công an xã xác nhận trong khoảng thời gian từ tháng 5/2022 đến tháng 7/2022 anh Tạ Quang T có đi qua đi lại trong ngày, sáng đi chiều về để làm công trình cho anh Thào A S ở bản C, xã Háng Đồng, huyện B, tỉnh Sơn La nhưng không làm thủ tục đăng ký tạm trú tại xã Háng Đồng, huyện B, tỉnh Sơn La. Đến cuối tháng 7 năm 2022 thì không thấy anh Tạ Quang T có mặt ở địa bàn bản C hay các bản lân cận của xã Háng Đồng, huyện B, tỉnh Sơn La. Còn công trình của anh Thào A S thấy đang thi công dở dang, hiện nay không có ai thi công.

Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 15/11/2023 nguyên đơn - anh Thào A S giữ nguyên yêu cầu, phạm vi khởi kiện - đề nghị Tòa án nhân dân huyện B giải quyết tranh chấp hợp đồng gia công giữa anh Thào A S và anh Tạ Quang T, không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ hay có yêu cầu gì khác. Tại phiên tòa Anh Thào A S rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu tính lãi đối với số tiền 337.025.000 đồng từ ngày 07/7/2022 đến ngày mở phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát ý kiến: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn mặc dù đã được thông báo và triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại Điều 228 BLTTDS. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 117, Điều 427, Điều 542, 543, 546, 549, 550, 551 BLDS; Khoản 1 Điều 147 BLTTDS, khoản 1, 4 Điều 26, điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc Hội chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu anh Tạ Quang T phải hoàn trả cho anh Thào A S số tiền 337.025.000 đồng.

Đối với yêu cầu tính tiền lãi phát sinh đối với số tiền 337.025.000 đồng từ ngày 07/7/2022 đến ngày mở phiên tòa sơ thẩm của nguyên đơn, xét thấy: tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu này, việc rút yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai cưỡng ép, ép buộc, xúi giục. Do đó, đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 244 BLTTDS đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính tiền lãi phát sinh đối với số tiền 337.025.000 đồng từ ngày 07/7/2022 đến ngày mở phiên tòa sơ thẩm của nguyên đơn; đối với việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn Tạ Quang T phải bồi thường số tiền 30.000.000 đồng, do nguyên đơn đã bỏ ra để thuê xe ô tô, chi phí đi lại, đi tìm bị đơn T tại huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La; tại huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái; tại thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai. Xét thấy, cần chấp nhận mức chi phí hợp lý mà nguyên đơn đã bỏ ra để đi tìm bị đơn do bị đơn đã tự ý bỏ hợp đồng với nguyên đơn trước đó. Đề nghị HĐXX cần chấp nhận một phần yêu cầu này của nguyên đơn, buộc bị đơn phải bồi thường mức chi phí hợp lý từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng; buộc Anh Tạ Quang T, phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp “ Hợp đồng gia công”, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng gia công” có nơi thực hiện hợp đồng là bản C, xã Háng Đồng, huyện B, tỉnh Sơn La. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện niêm yết thông báo thụ lý, thông báo, triệu tập về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và đã thông báo các Thông báo, triệu tập và quyết định trên trên 03 số báo Công lý liên tiếp gồm số 83 (2145) ngày 18/10/2023; số 84 (2145) ngày 20/10/2023; số 85 (2146) ngày 25/10/2023 và thông báo, triệu tập trên Đài truyền hình Việt Nam ngày 21,22,23/10/2023, theo quy định tại các Điều 173, 179, 180 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh Tạ Quang T không chấp hành và vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn - anh Tạ Quang T là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ: Ngày 18/5/2022 anh Thào A S đã ký kết với anh Tạ Quang T 01 hợp đồng nguyên căn với nội dung anh Thào A S thuê anh Tạ Quang T làm 01 căn nhà sắt 03 tầng và 04 căn Bungalow với tổng giá trị là 720.000.000 đồng, thời hạn hoàn thành và bàn giao công trình là ngày 20/7/2022, anh Thào A S

đã giao cho anh Tạ Quang T số tiền 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền anh Tạ Quang T đang thi công dang dở công trình mới chỉ lên khung làm sàn nhà của 4 căn Bungalow với tổng giá trị sản phẩm Tạ Quang T đã thực hiện và số vật liệu còn lại có trị giá là 162.975.000 đồng và anh Tạ Quang T bỏ đi không tiếp tục thi công công trình nữa. Anh Thào A S yêu cầu anh Tạ Quang T phải trả số tiền 337.025.000 đồng là tiền anh Thào A S đã đưa cho Tạ Quang T để thi công công trình trừ đi giá trị công trình T đã thi công dang dở (theo giá trị định giá của Hội đồng định giá tài sản huyện B) và tiền thiệt hại phát sinh đi tìm Tạ Quang T là 30.000.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu của anh Thào A S thấy: Anh Thào A S và anh Tạ Quang T đã ký hợp đồng gia công - “hợp đồng nguyên căn” vào ngày 18/5/2022. Giá trị hợp đồng hai bên xác định là 720.000.000 đồng, thời gian hoàn thành và bàn giao công trình là ngày 20/7/2022. Ngày 19/5/2022, anh Tạ Quang T đã nhận số tiền anh Thào A S bàn giao để thi công công trình là 500.000.000 đồng. Đến ngày 07/7/2022, anh Tạ Quang T đã dừng thi công và tự ý chấm dứt hợp đồng, bỏ dở công trình đang thi công và bỏ đi không thông báo gì với anh Thào A S. Thời điểm anh Tạ Quang T ngừng thi công là đã đơn phương chấm dứt hợp đồng, anh Tạ Quang T đã nhận số tiền do anh Thào A S thanh toán vượt quá phần nghĩa vụ mà anh Tạ Quang T đã thực hiện và đơn phương chấm dứt hợp đồng.

Anh Thào A S đã làm đơn tố giác anh Tạ Quang T nhưng Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã kết luận Tạ Quang T không phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Quá trình giải quyết tin báo tố giác của anh Thào A S, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tiến hành trưng cầu định giá tài sản và Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận giá trị 03 căn nhà Bungalow đang xây dựng dở và số vật liệu Tạ Quang T mua còn lại có tổng trị giá 162.975.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay, anh Thào A S nhất trí với giá trị mà Hội đồng định giá đã đưa ra nên Tòa án nhân dân huyện B không thực hiện định giá tài sản mà sử dụng kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản huyện B xác định: 03 căn nhà Bungalow đang xây dựng dở và số vật liệu Tạ Quang T mua còn lại có tổng trị giá 162.975.000 đồng.

Do anh Tạ Quang T đã tự ý đơn phương chấm dứt hợp đồng gia công với anh Thào A S nên anh Tạ Quang T là bên có lỗi. Anh Thào A S đã nhiều lần liên hệ và đi tìm anh Tạ Quang T đồng thời đã liên hệ với người nhà để thông tin cho anh Tạ Quang T về việc anh Thào A S yêu cầu anh Tạ Quang T thanh toán số tiền 337.025.000 đồng nhưng vẫn không nhận được phản hồi của anh Tạ Quang T.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, giữa anh Thào A S và anh Tạ Quang T đã xác lập hợp đồng gia công theo ý chí và sự tự nguyện của các bên, hình thức, mục đích và nội dung của hợp đồng không trái các quy định của pháp luật nên hợp đồng có hiệu lực. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh Tạ Quang T đã tự ý đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa thực hiện được các nghĩa vụ theo cam kết của hợp đồng, anh Tạ Quang T đã biết được việc anh Thào A S yêu cầu thanh toán chênh lệch giá trị hợp đồng với phần việc anh Tạ Quang T đã thực hiện được nhưng anh T đã cố ý trốn tránh không thanh toán, không tham gia tố

tụng, không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh Thào A S là đã tự mình làm mất đi các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc anh Tạ Quang T đã nhận đủ số tiền 500.000.000 đồng để thực hiện thi công công trình nhưng anh T đã tự ý chấm dứt hợp đồng và bỏ dở công trình đang thi công với giá trị công trình đã được thi công được định giá là 162.975.000 đồng, anh Thào A S yêu cầu Tạ Quang T có nghĩa vụ trả số tiền 337.025.000 đồng là có căn cứ nên căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Thào A S yêu cầu anh Tạ Quang T có nghĩa vụ trả số tiền 337.025.000 đồng.

[5] Đối với phần yêu cầu tính lãi đối với số tiền 337.025.000 đồng tính từ thời điểm 07/7/2022 đến ngày mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, tại phiên tòa sơ thẩm, anh Thào A S rút yêu cầu này, Hội đồng xét xử nhận thấy việc rút một phần yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, đúng với ý chí, nguyện vọng của anh Thào A S nên cần đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này.

[6] Đối với yêu cầu của nguyên đơn Thào A S yêu cầu anh Tạ Quang T phải trả chi phí đi tìm anh Tạ Quang T trong thời gian anh T trốn tránh thực hiện nghĩa vụ đối với anh Thào A S là 30.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình thực hiện hợp đồng anh Tạ Quang T đã tự ý đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng, nên xác định anh Tạ Quang T là người vi phạm hợp đồng, là người có lỗi trong tranh chấp hợp đồng, là người gây ra thiệt hại phát sinh cho anh Thào A S, đây là khoản tiền chi phí thực tế anh Thào A S đã thuê xe đi tìm anh Tạ Quang T nên cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn Thào A S được chấp nhận, bị đơn Tạ Quang T không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí dân sự sơ thẩm. Do đó, bị đơn Tạ Quang T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 3 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Thào A S là người sinh sống tại bản C, xã Háng Đồng, huyện B, tỉnh Sơn La là nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện miễn nộp tiền tạm ứng án phí, Tòa án đã miễn nộp tiền tạm ứng cho anh Thào A S nên không xem xét xử lý về tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 275, Điều 401, 422, 423, 427, Điều 542, 543, 549, 550, 551 Bộ Luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Thào A S, buộc anh Tạ Quang T phải có trách nhiệm thanh toán cho anh Thào A S số tiền chênh lệch thực hiện hợp đồng

là 337.025.000 đồng (Ba trăm ba mươi bảy triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng), và số tiền chi phí thực tế phát sinh là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Tổng số tiền anh Tạ Quang T phải có trách nhiệm thanh toán cho anh Thào A S là 367.025.000 đồng (Ba trăm sáu mươi bảy triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

2. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với phần yêu cầu tính lãi phát sinh đối với số tiền 337.025.000 đồng, thời điểm tính từ ngày 07/7/2022 đến ngày mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án của anh Thào A S.

3. Về án phí: Anh Tạ Quang T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 18.351.000 đồng (Mười tám triệu ba trăm năm mươi một nghìn đồng).

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/12/2023). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi Sắt quy định tại điều 357, 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Hàng Đồng;
- UBND phường D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Quàng Văn Thủy